

Danh sách model được sử dụng

Phụ tùng	Mô tả	Model	Tên mô tả	Bản vẽ	Số lượng
643948-9	Ổ chổi than	6824	Drywall Screwdriver	032	1
643948-9	Ổ chổi than	6824N	Drywall Screwdriver	032	1
643948-9	Ổ chổi than	6825	Drywall Screwdriver	032	1
643948-9	Ổ chổi than	FS4000	Drywall Screwdriver	039	1
643948-9	Ổ chổi than	FS4200	Drywall Screwdriver	039	1
643948-9	Ổ chổi than	FS4300	Drywall Screwdriver	039	1
643948-9	Ổ chổi than	FS6300	Drywall Screwdriver	039	1

Ngày in 09/26/2026



Tài liệu được tổng hợp bởi đội ngũ kỹ thuật của **NPOWER** Bản quyền nội dung thuộc về **MAKITA**
www.npower.com.vn Powered by **NAVITECH** | www.navitech.co